Vietnam Tariff Intelligence

# Détail du SH 9818.12

| | |
|---|---|
| **Code SH** | 9818.12 |
| **Description** | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên: |
| **Unité** | |
| **Généré le** | 09/11/2026 07:08:12 |
| **Version des données** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Statut de vérification** | Données tarifaires vérifiées par rapport au fichier source ; conseils/correspondances indicatifs ; éligibilité ALE non vérifiée. |
| **Lien** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/981812/ |

## 4 lignes tarifaires sous 9818.12

| Code SH | Description | Unité | Droit d'importation ordinaire | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9818.12.11 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên: / - - Hình chữ U: / - - - Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo trọng lượng | | 5% | 0% | Aucune donnée |
| 9818.12.19 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên: / - - Hình chữ U: / - - - Loại khác | | 5% | 0% | Aucune donnée |
| 9818.12.91 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên: / - - Hình chữ I: / - - - Chiều dày từ 5 mm trở xuống | | 5% | 0% | Aucune donnée |
| 9818.12.99 | Các mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe. / - Sắt hoặc thép không hợp kim dạng hình chữ U hoặc chữ I, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên: / - - Hình chữ I: / - - - Loại khác | | 5% | 0% | Aucune donnée |

Ce rapport est fourni à titre indicatif ; il est généré à partir des données tarifaires source et des règles de conseil. Il ne constitue pas une décision douanière et ne confirme ni le classement SH, ni l'éligibilité à un ALE, ni la validité juridique. L'utilisateur doit vérifier au regard de la législation en vigueur.